

Số: 01/2024/QĐST-VLĐ

Châu Thành, ngày 21 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH AN GIANG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

-*Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp:* Bà Phạm Thị Mỹ Dung

-*Thư ký phiên họp:* Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên họp:* Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 01/2024/TLST-VLĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 về yêu cầu “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 01/2024/QĐST- VLĐ ngày 7 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1.*Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Tổ D, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

Chị Nguyễn Thị N uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, An Giang (có mặt)

Theo văn bản uỷ quyền ngày 4 tháng 6 năm 2024.

2.*Người bị yêu cầu:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn O

Địa chỉ: Lô K, Khu công nghiệp B, xã B, huyện C, An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị Võ Thị Tuyết N1, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thị trấn A,, huyện C, An Giang. Theo văn bản uỷ quyền ngày 21/6/2024 (có mặt)

3.*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

-Chị Nguyễn Thị C, sinh năm: 1997 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, An Giang

-Bảo hiểm xã hội tỉnh A

Trụ sở: Số A, đường L, phường M, Thành phố L, An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Hồ Ngọc T. Chức vụ: Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện C. Theo văn bản uỷ quyền số 1202/UQ-BHXH ngày 18 tháng 6 năm 2024 (có mặt).

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG

Theo đơn yêu cầu, quá trình tố tụng và tại phiên họp đại diện của người yêu cầu Nguyễn Thị N có ông Nguyễn Văn V trình bày:

Vào ngày 01/4/2011 chị N có ký Hợp đồng lao động (sau đây viết tắt là HĐLĐ) với Công ty cổ phần O và có tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 4 năm 2011 cho đến nay, sổ Bảo hiểm xã hội số: 8911006182 đứng tên Nguyễn Thị N, do Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 7/6/2011 và hiện nay chị N vẫn còn đi làm tại công ty và đóng BHXH hàng tháng, vẫn duy trì nghĩa vụ và quyền lợi đối với sổ BHXH của chị N theo quy định của pháp luật.

Vào tháng 12 năm 2013 chị N có cho em gái là Nguyễn Thị C, sinh năm: 1997 cư trú: ấp B, xã B, huyện C, An Giang mượn giấy chứng minh nhân dân của chị N để cô C làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH O (sau đây viết tắt là Công ty O1) có địa chỉ tại: Lô K, Khu công nghiệp B, huyện C, tỉnh An Giang và được công ty ký kết Hợp đồng lao động số 440-2/HĐLĐ-OGAG-2014 ngày 01/12/2014 có các chủ thể tham gia giao kết HĐLĐ như sau: người sử dụng lao động Công ty O1, người lao động Nguyễn Thị N và tham gia đóng Bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2013 đến tháng 4/2015, sổ Bảo hiểm xã hội số 8913012800 đứng tên Nguyễn Thị N, do Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 30/12/2013.

Đến ngày 11/5/2015 thì cô C nộp đơn xin nghỉ việc tại Công ty O1 (trong HĐLĐ ghi tên Nguyễn Thị N, do cô C mượn giấy chứng minh nhân dân của chị N để ký HĐLĐ) và được Công ty O1 chấp thuận bằng quyết định về việc chấm dứt HĐLĐ, số quyết định: 223/QĐ-OGAG.2015 ngày 12/5/2015, sổ Bảo hiểm xã hội số 8913012800 đứng tên Nguyễn Thị N, do Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 30/12/2013 vẫn còn hiệu lực theo quy định pháp luật.

Nay nhận thấy việc giao kết HĐLĐ giữa chị N và Công ty O1, mà thực tế người đã giao kết và làm việc tại Công ty O1 theo HĐLĐ số 440-2/HĐLĐ-OGAG -2014 ngày 01/12/2014 là cô Nguyễn Thị C đã vi phạm nguyên tắc giao kết HĐLĐ theo quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi bản thân chị N trong thời gian tham gia BHXH đến khi nghỉ việc hưởng BHXH 1 lần hoặc lương hưu.

Nay chị Nguyễn Thị N yêu cầu Toà án giải quyết: Tuyên bố HĐLĐ số 440-2/HĐLĐ-OGAG -2014 ngày 01/12/2014 giữa Công ty O1 và Nguyễn Thị N là vô hiệu; đồng thời không yêu cầu Toà án tuyên huỷ sổ BHXH số 8913012800 đứng tên Nguyễn Thị N, do Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày

30/12/2013 mà yêu cầu cơ quan Bảo hiểm có sự điều chỉnh thông tin sổ bảo hiểm cho đúng quy định.

-Tại bản trình bày ý kiến và tại phiên họp Công ty Trách nhiệm hữu hạn O (sau đây viết tắt là Công ty O1) có chị Võ Thị Tuyết N1 đại diện trình bày: Công ty O1 ký kết HĐLĐ với bà Nguyễn Thị N và chấm dứt HĐLĐ theo trình tự và thông tin như sau:

-Hợp đồng đào tạo xác định thời hạn từ ngày 01/11/2013-30/11/2013 ký ngày 01/11/2013

-Hợp đồng lao động thời hạn 01 năm từ ngày 01/12/2013-30/11/2014 ký ngày 01/12/2013 số 627/HĐLĐ-OGAG-2013

-Hợp đồng lao động không xác định thời hạn từ 01/12/2014 ký ngày 01/12/2014 số 440-02/HĐLĐ-OGAG-2014

-Bà Nguyễn Thị N gửi đơn thôi việc ngày 11/5/2013 và chấm dứt công việc từ ngày 10/5/2015

Công ty đã thực hiện đầy đủ việc tham gia BHXH từ 12/2013-04/2015 số BHXH số 8913012800 theo đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành tại thời điểm kí kết HĐLĐ.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

1/Chị Nguyễn Thị C trình bày: Vào tháng 12 năm 2013 do tôi chưa đủ tuổi lao động theo quy định của pháp luật lao động, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên tôi nghỉ học sớm, rất cần có thu nhập để trang trải cuộc sống tiếp cha mẹ, cha mẹ tôi làm mướn làm thuê nên kinh tế gia đình thiếu trước hụt sau.

Thấy khu công nghiệp B có tuyển công nhân, do thiếu hiểu biết tôi đã mượn giấy chứng minh nhân dân của chị tôi tên là Nguyễn Thị N ký hợp đồng lao động số 440-2/HĐLĐ-OGAG – 2014 ngày 1/12/2014 có các chủ thể tham gia giao kết HĐLĐ như sau: người sử dụng lao động Công ty O1, người lao động Nguyễn Thị N. Trên cơ sở của Hợp đồng tôi là người trực tiếp làm việc tại Công ty O1 và có tham gia Bảo hiểm xã hội từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 4 năm 2015 số Bảo hiểm xã hội số 8913012800 đứng tên Nguyễn Thị N, do Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 30/12/2013.

2/Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang có ông Hồ Ngọc T đại diện theo uỷ quyền trình bày: Bà Nguyễn Thị N (mã số BHXH 8913012800) có quá trình đóng BHXH, BHTN, BHYT từ tháng 12/2013 đến tháng 5/2015 (01 năm 5 tháng) tại Công ty TNHH O (do BHXH huyện C, tỉnh An Giang cấp sổ BHXH). Số tiền BHXH, BHTN, BHYT thuộc trách nhiệm đóng của đơn vị sử dụng lao động là 8.151.820 và số tiền BHXH, BHTN, BHYT trích từ tiền lương của người lao động là 88.950 đồng.

Bà Nguyễn Thị N, số sổ 89130112800 đã hưởng 3 tháng trợ cấp thất nghiệp theo Quyết định số 6161/QĐ-SLĐTBXH ngày 24/9/2015 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh A với tổng số tiền hưởng là 4.180.200 đồng.

Căn cứ các quy định tại Điều 49, Điều 50 và Điều 51, Mục 4- Hợp đồng lao động vô hiệu của Bộ luật lao động số 45/2019/QH14 dựa vào kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, BHXH tỉnh sẽ thực hiện điều chỉnh sổ BHXH theo quy định.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và người yêu cầu tham gia phiên họp. Về nội dung: Trên cơ sở hồ sơ vụ việc căn cứ vào khoản 1 Điều 17 và khoản 2 Điều 19, Điều 50 Bộ luật lao động năm 2019 đề nghị tuyên HĐLĐ số 440-2/HĐLĐ-OGAG -2014 ngày 01/12/2014 giữa Công ty O1 và Nguyễn Thị N là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]Thẩm quyền giải quyết: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 50 Bộ luật lao động năm 2019 xác định: hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị N và Công ty O1 được giao kết và thực hiện tại huyện C nên đơn yêu cầu giải quyết việc lao động về “ Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” của chị Nguyễn Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[1.2] Quyền yêu cầu: căn cứ đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì chị Nguyễn Thị N là người có tên trên hợp đồng lao động, việc thực hiện hợp đồng lao động ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị N. Vì vậy chị N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc lao động về việc “ Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo quy định tại Điều 401 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 3 Bộ luật lao động năm 2019.

[2] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị N:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng lao động: các đương sự thống nhất ngày 01/12/2014 chị Nguyễn Thị C có sử dụng hồ sơ xin việc mang tên Nguyễn Thị N để giao kết hợp đồng lao động với người sử dụng lao động là Công ty O1; đến ngày 11 tháng 5 năm 2015 thì chị C được Công ty O1 cho thôi việc. Xét thấy việc chị C mượn hồ sơ mang thông tin của chị N để giao kết Hợp đồng lao động ngày 01/12/2014 với Công ty O1 trong khi người lao động trên thực tế là chị Nguyễn Thị N, việc này là giả mạo thông tin, vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin cá nhân khi giao kết hợp đồng lao động quy định khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 Bộ luật lao động năm 2019. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật lao động năm 2019 thì Hợp đồng lao động ngày 01/12/2014 giữa người lao động Nguyễn Thị N (do chị Nguyễn Thị C

trực tiếp giao kết, thực hiện) với người sử dụng lao động là Công ty O1 vô hiệu toàn bộ.

[2.2] Giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ trong thời gian từ tháng 12/2013 đến tháng 5/2015 (01 năm 5 tháng) Công ty O1 đã đóng tiền bảo hiểm xã hội cho chị Nguyễn Thị C (sổ bảo hiểm đứng tên Nguyễn Thị N theo Sổ bảo hiểm số 8913012800). Nay hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, phía Công ty O1 không có yêu cầu thoái thu số tiền bảo hiểm này để hoàn trả lại cho Công ty, việc này cũng được tất cả những người tham gia tố tụng đồng ý. Bảo hiểm xã hội tỉnh A xác định sẽ thực hiện điều chỉnh thông tin cá nhân của người tham gia bảo hiểm xã hội trên sổ bảo hiểm xã hội theo quy định. Nên Tòa án không xem xét số tiền bảo hiểm xã hội mà các bên đã thực hiện theo Sổ bảo hiểm số 8913012800

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 117 và Điều 127,688 Bộ luật Dân sự năm 2015

Khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16 và Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị N về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

-Tuyên bố Hợp đồng lao động số 440-2/HĐLĐ-OGAG-2014 ngày 01 tháng 12 năm 2014 giữa người lao động (ghi trên hợp đồng) là chị Nguyễn Thị N (do chị Nguyễn Thị C trực tiếp ký giao kết, thực hiện) với người sử dụng lao động là Công ty O1 vô hiệu toàn bộ.

3. Về lệ phí giải quyết việc lao động: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004664 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Nguyễn Thị N, Công ty O1 có quyền kháng cáo quyết định việc lao động trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc lao động trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kiến nghị quyết định này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày ra quyết định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC
DÂN SỰ**

THÂM

Phạm Thị Mỹ Dung